CHỨNG KHOÁN ALPHA

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 02 tháng 11, 2026



Xem thêm

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading

Đột biến khối lượng

- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TLD	30/10/2026	7.93	2.053.300	220.303	9.32
2	TVN	30/10/2026	9.8	2.610.000	800.993	3.26
3	TCH	30/10/2026	11.85	14.038.100	4.953.004	2.83
4	ORS	30/10/2026	14.15	9.275.500	3.598.333	2.58
5	PLC	30/10/2026	20	502.300	197.957	2.54
6	KSB	30/10/2026	12.75	1.664.300	690.437	2.41
7	DHC	30/10/2026	36.8	1.105.200	466.813	2.37
8	TNG	30/10/2026	17.9	2.284.800	986.780	2.32
9	HHS	30/10/2026	9.45	2.218.200	1.079.050	02.06
10	MST	30/10/2026	8.9	2.261.200	1.136.827	1.99
11	VIC	30/10/2026	241	5.049.400	2.609.630	1.93
12	SZC	30/10/2026	19.3	912.600	471.800	1.93
13	DPG	30/10/2026	28.85	878.800	458.783	1.92
14	BSI	30/10/2026	26.6	675.000	352.350	1.92
15	HDC	30/10/2026	11.25	2.712.400	1.564.897	1.73
16	APH	30/10/2026	6.7	782.100	454.500	1.72
17	FCN	30/10/2026	10.6	1.067.600	622.717	1.71
18	NKG	30/10/2026	11.9	6.150.800	3.621.477	1.7
19	VNM	30/10/2026	56.9	2.982.300	1.852.293	1.61
20	VHM	30/10/2026	63	13.483.800	8.504.533	1.59
21	VCG	30/10/2026	14.8	3.276.200	2.144.163	1.53
22	LAS	30/10/2026	11.4	714.100	477.340	1.5
23	DXG	30/10/2026	10.1	13.497.800	9.017.027	1.5
24	TCX	30/10/2026	27.5	3.822.200	2.677.490	1.43
25	HPG	30/10/2026	21	24.773.000	17.662.386	1.4
26	VGT	30/10/2026	11.3	874.200	626.587	1.4
27	PAN	30/10/2026	17	1.125.700	815.563	1.38
28	DPM	30/10/2026	20.4	3.187.800	2.364.240	1.35
29	VEA	30/10/2026	37.3	759.200	579.570	1.31



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	30/10/2026	07.09	1.081.180	44.41	07.08	0.16
2	BSR	30/10/2026	27.6	6.831.650	38.21	27.02	2.15
3	GMD	30/10/2026	52.7	2.033.580	46.28	49.96	5.48
4	HCM	30/10/2026	23.2	2.722.620	40.66	23.09	0.5
5	MST	30/10/2026	8.9	1.198.020	40.32	8.57	3.89
6	NAB	30/10/2026	12.65	2.384.230	61.1	11.95	5.82
7	ORS	30/10/2026	14.15	7.018.760	49.85	13.56	4.33
8	PVT	30/10/2026	21.25	6.707.480	34.68	20.65	2.93
9	TCB	30/10/2026	21.6	19.413.370	42.03	21.05	0.47
10	TVN	30/10/2026	9.8	1.176.710	49.93	9.2	6.5
11	VEA	30/10/2026	37.3	729.720	39.52	35.27	5.76
12	VGC	30/10/2026	42.2	1.081.810	43.84	42.11	0.21
13	VJC	30/10/2026	131.6	1.026.300	59.2	130.99	0.46
14	VPB	30/10/2026	22.95	14.030.220	43.85	21.48	6.86
15	VPI	30/10/2026	57.5	2.158.670	54.69	55.13	4.29

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	VGS	19.3	19.3	487.520
2	VPL	90.1	90.1	1.166.980

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BIC	18.6	18.8	13.930
2	BVB	10.2	10.3	1.313.140
3	CMG	18.5	18.9	255.540
4	CSM	11.09	11.95	101.070
5	DPM	20.4	20.9	1.953.340
6	ELC	11	11.2	593.760
7	FOC	59.1	59.4	12.690
8	HVT	22.8	22.9	16.470
9	KLB	10.55	10.9	236.160
10	KSF	70.8	70.9	91.380
11	LPB	36.1	37.2	1.855.420
12	MML	24.7	25.1	68.420
13	MZG	10.9	10.95	1.154.000
14	PAN	17	17.5	1.354.250
15	PHR	31	31.1	281.630
16	PNJ	15.5	16.05	10.238.420
17	PVB	20	20.2	135.450

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BIC	18.6	18.6	13.930
2	BTP	6.6	6.5	24.150
3	BVB	10.02	10.15	1.313.140
4	CKG	5.1	4.96	26.840
5	CMG	18.5	18.5	255.540
6	CRE	4.51	4.35	344.430
7	DPM	20.4	20.17	1.953.340
8	DRC	9.1	09.07	389.370
9	ELC	11	10.8	593.760
10	HPX	3.63	3.63	425330
11	HVT	22.8	22.7	16.470
12	ITC	8.62	8.15	52.670
13	KSF	70.8	66.5	91380
14	LPB	36.1	36.1	1855420
15	MML	24.7	24.2	68.420
16	PAN	17	17	1.354.250
17	PNJ	15.5	15.4	10238420
18	PPT	6	6	88340
19	PVB	20	18.9	135.450
20	THG	26.45	26.45	25440
21	VLC	11	11	27410
22	VNS	5.83	5.7	27230
23	VTK	29	28	10130

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HCM	23.02	23.09	2.722.620

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DXG	10.1	10.07	10.268.220
2	HNG	6	5.85	1.229.010

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	EVF	11.8	11.78	1.378.120
2	GMD	52.7	52.51	2.033.580
3	HDC	11.25	11.21	2344470

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

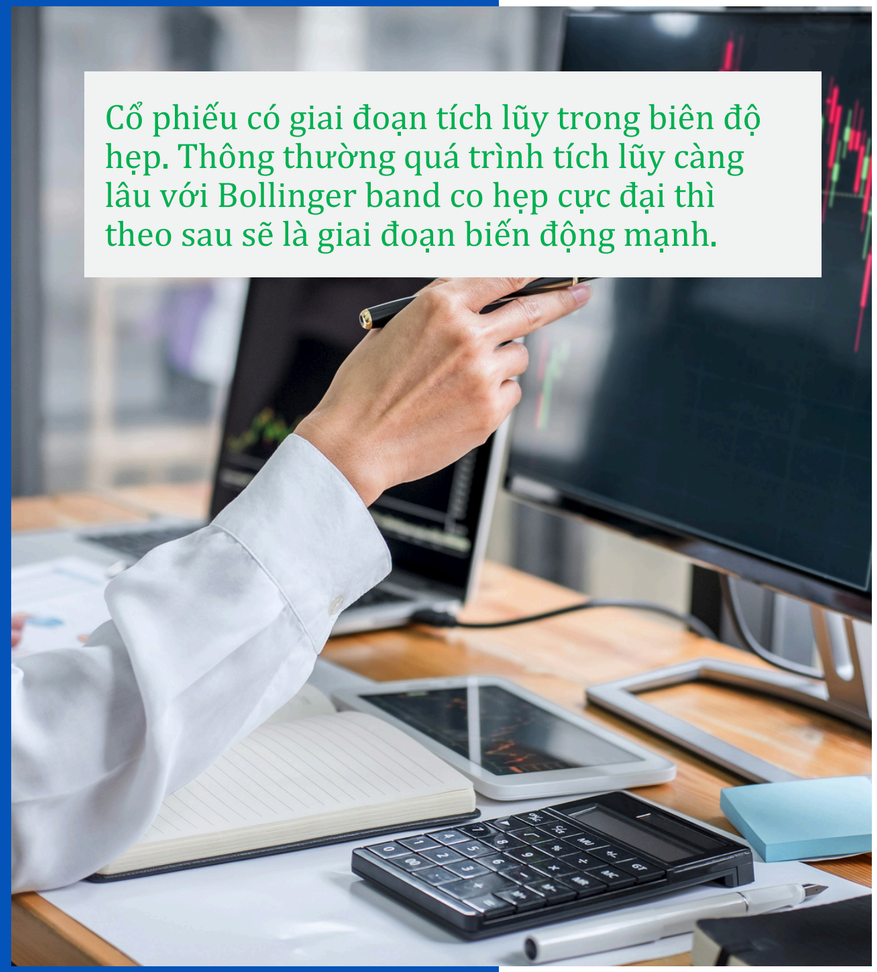
STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	ACB	21	21.28	10.554.030
2	DCL	44	44.42	534.660
3	DGW	40.95	42.06	1664980
4	NKG	11.9	12.05	6.526.210
5	TNG	17.9	18.79	1.468.180

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.9	7.2	1.081.180
2	ACV	39.7	40.57	963.950
3	AMV	1.1	1.18	614320
4	ANV	16	16.22	1.438.780
5	BSI	26.6	26.84	545.460
6	CII	13.2	13.26	10.470.350
7	CTG	30.3	30.54	7.279.750
8	CTS	21	21.43	1.846.840
9	DCM	33.3	33.32	1929570
10	DRI	14	14.54	1378830
11	EIB	16.1	16.68	7349100
12	FIT	2.93	2.97	746750

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BCM	38.4	39.34	734.250
2	BVS	25.8	26.41	628.650
3	DBC	15.4	15.7	1738990
4	DCM	33.3	34.2	1.929.570
5	EIB	16.1	16.53	7.349.100
7	GEX	22.2	22.78	8769990
8	HHP	17.45	17.05	1293840
9	IDC	34.2	34.94	1036030
10	KBC	26	26.09	1311030
11	KSB	12.75	13.3	1097290
12	MBB	19.3	19.48	8463930
13	MBS	15	15.18	2481370
14	MSR	61.2	63.9	1775810
15	MWG	74	74.98	2391150
16	NLG	22	22.11	1485440
17	PVD	17.95	18.19	4151980
18	SHS	12.2	12.27	11090320
19	SSI	19.3	19.55	16303040
20	TCB	21.6	22.1	19413370
21	TNG	17.9	18.54	1468180
22	VCB	56.3	56.6	3752060
23	VCI	18.5	18.95	6564180
24	VIB	13.8	13.85	6210290
25	VIX	12	12.02	30541490
26	VND	13.4	13.43	8304980
27	VSC	13.2	13.55	16007070
28	ORS	14.55	13.93	4296310



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	NAF	30/10/2026	47.95	47.7	48.7	2.1	247,460
2	SJD	30/10/2026	14.15	13.75	14.35	4.36	121,700
3	VTZ	30/10/2026	20.3	20	20.9	4.5	1,059,160
4	TCL	30/10/2026	29	28.5	29.8	4.56	22,920
5	ODE	30/10/2026	45.1	45	47.2	4.89	18,980
6	SCG	30/10/2026	64.4	63.7	66.9	5.2	24,900
7	NCT	30/10/2026	82.5	82.1	86.3	5.12	9,700
8	DSN	30/10/2026	36.7	35.55	37.5	5.49	5,520
9	CLX	30/10/2026	13	12.7	13.4	5.51	21,040
10	GDT	30/10/2026	16	15.4	16.25	5.52	7,900
11	VSH	30/10/2026	41.5	40.6	42.94	5.76	12,700
12	DHG	30/10/2026	86.9	86.9	91.96	5.82	5,260
13	CHP	30/10/2026	26.15	25.32	26.85	06.04	5,980
14	NTC	30/10/2026	128	120.9	128.6	6.37	7,800
15	HTI	30/10/2026	18.3	18	19.2	6.67	18,660
16	DVP	30/10/2026	73.6	72.27	77.2	6.82	9,040
17	CLL	30/10/2026	26.45	26.3	28.1	6.84	5,460
18	VNR	30/10/2026	17.8	17.4	18.6	6.9	10,260
19	VNF	30/10/2026	12.5	12.5	13.4	7.2	8,920
20	MCM	30/10/2026	25.75	25.1	26.95	7.37	24,940
21	QTP	30/10/2026	11	10.6	11.4	7.55	224,180
22	HDM	30/10/2026	32.5	31.4	33.8	7.64	5,280
23	HMC	30/10/2026	10.9	10.35	11.15	7.73	5,800
24	HVT	30/10/2026	22.8	22.7	24.5	7.93	17,320
25	TIP	30/10/2026	15.7	15.59	16.85	08.08	33,100
26	NBB	30/10/2026	17.35	16.4	17.8	8.54	15,600
27	HTG	30/10/2026	34.25	32.55	35.5	09.06	17,140

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115